

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-PTTHII ngày 10/6/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Tên ngành, nghề: **Quay phim**

Mã ngành, nghề: **6210232**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh:

- **Tốt nghiệp Trung học phổ thông;**

- **Tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

1. Mục tiêu đào tạo:**1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo sinh viên trở thành cử nhân thực hành ngành quay phim, có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu hoạt động trong lĩnh vực quay phim nói chung và phóng viên quay phim nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:**1.2.1. Về phẩm chất**

Có kiến thức hiểu biết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam; nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như vai trò, vị trí của ngành quay phim trong lĩnh vực phát thanh truyền hình và truyền thông.

Có lý tưởng xã hội Xã hội chủ nghĩa, lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân; tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; khiêm tốn, giản dị, cần cù, trung thực và có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần làm chủ tập thể, yêu ngành, yêu nghề, hăng say học tập và rèn luyện.

Khiêm tốn, giản dị, cần cù, trung thực và có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần làm việc vì tập thể.

1.2.2. Về kiến thức

Hiểu biết các kiến thức đại cương về chính trị, pháp luật, lịch sử, văn hóa, xã hội, ngôn ngữ, đặc biệt kiến thức về ngành nghề báo chí, phát thanh truyền hình trong lĩnh vực quay phim.

Nắm vững những kiến thức cơ bản của ngành quay phim, được cung cấp các kiến thức bổ trợ thông qua các môn học liên quan đến phát thanh truyền hình và truyền thông để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

1.2.3. Về kỹ năng

Nắm vững các kỹ năng về kỹ thuật và nghệ thuật quay phim. Có năng lực độc lập sáng tạo, tư duy khoa học, tạo hiệu quả trong nghệ thuật quay phim trên các lĩnh vực như: điện ảnh, truyền hình và văn hóa - xã hội.

Hiểu biết và sử dụng cơ bản các phần mềm biên tập âm thanh, hình ảnh trong công tác hậu kỳ.

Có khả năng xử lý tình huống, giải quyết những vấn đề thông thường trong hoạt động nghề nghiệp.

Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm.

Có vốn tiếng Anh giao tiếp và tin học văn phòng

1.2.4. Về thái độ

Có nhận thức đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

Có tác phong làm việc năng động, khoa học, sáng tạo.

Nhanh chóng cập nhật kiến thức chuyên môn quay phim cũng như kiến thức bổ trợ: khoa học xã hội - nhân văn, báo chí, truyền thông.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Quay phim, sinh viên có thể đảm nhận công việc quay phim trong các cơ quan báo chí, các công ty truyền thông, các đài phát thanh - truyền hình, báo điện tử có truyền hình hoặc video trực tuyến; công ty, doanh nghiệp có nhu cầu về nhân lực quay phim ...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học:	30 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học:	1965 giờ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương:	435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn:	1530 giờ
- Khối lượng lý thuyết:	452 giờ
- Thực hành, thực tập:	1402 giờ
- Kiểm tra:	111 giờ
- Thời gian khóa học:	2 năm

3. Nội dung chương trình:

STT / Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I.	Các môn học chung	25	435	158	254	23
1/KHCB	Chính trị	5	75	42	29	4
2/KHCB	Pháp luật	2	30	18	10	2
3/KHCB	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4/QLĐT	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
5/CN-TH	Tin học	3	75	15	58	2
6/KHCB	Anh văn 1	3	45	15	28	2
7/KHCB	Anh văn 2	3	45	15	28	2
8/KHCB	Anh văn 3-CN	2	30	12	15	3
II	Các môn học chuyên môn ngành	56	1530	294	1148	88
II.1	Môn học cơ sở	15	315	133	156	26
9/KHCB	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	45	15	26	4
10/BC	Pháp luật và đạo đức báo chí	2	45	15	26	4
11/BC	Ngôn ngữ truyền hình và điện ảnh	3	45	43	0	2
12/BC	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	45	15	26	4
15/CN-KT	Nhiếp ảnh	2	45	15	26	4
II.2	Môn học chuyên môn ngành	41	1215	161	992	62
13/CN-KT	Kỹ thuật quay phim	2	45	15	26	4
14/CN-KT	Kỹ thuật dựng phim	2	45	15	26	4
16/CN-KT	Kỹ thuật âm thanh	2	45	15	26	4
17/CN-KT	Kỹ thuật ánh sáng	2	45	15	26	4
18/CN-KT	Kịch bản truyền hình	2	30	26	0	4

STT / Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
19/CN-KT	Nghiệp vụ đạo diễn	2	45	15	26	4
20/CN-KT	Nghệ thuật quay phim	2	60	0	56	4
21/CN-KT	Quay tin và phóng sự	3	75	15	56	4
22/CN-KT	Quay phỏng vấn	2	45	15	26	4
23/CN-KT	Quay ca nhạc	2	60	0	56	4
24/CN-KT	Quay truyền hình trực tiếp	2	60	0	56	4
25/CN-TH	Nghệ thuật dựng phim	3	75	15	56	4
26/CN-KT	Quay phim tài liệu và ký sự truyền hình	3	75	15	56	4
27/CN-KT	Quay clip quảng cáo	3	75	15	56	4
28/CN-TH	Kỹ xảo truyền hình	3	75	15	56	4
29/CN-KT	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	225	0	220	5
30/CN-KT	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng (I)+(II)		81	1965	452	1402	111

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

Giảng dạy sáu môn học: Chính trị, Pháp luật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Tin học và Ngoại ngữ theo chương trình môn học của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho sinh viên theo quy định của trường.

4.5. Bảng chuyển đổi các môn học của chương trình (chương trình đào tạo cao đẳng ngành Quay phim từ năm 2019 trở về trước)

STT	Môn học	Số TC	Môn thay thế	Số TC
1	Anh văn chuyên ngành	2	Anh văn 3-CN	2
2	Nhập môn PT-TH	2	Kịch bản truyền hình	2
3	Ngôn ngữ báo chí	2	Ngôn ngữ truyền hình và điện ảnh	3
4	Nghệ thuật bố cục nhiếp ảnh	2	Nhiếp ảnh	2
5	Nhập môn quay phim	2	Kỹ thuật quay phim	2
6	Nghệ thuật âm thanh, ánh sáng	2	Kỹ thuật âm thanh	2
7	Kịch bản và đạo diễn	2	Kịch bản truyền hình	2
8	Quay tin và phỏng vấn	2	Quay phỏng vấn	2
9	Quay phim tài liệu, phóng sự và ký sự truyền hình	3	Quay phim tài liệu và ký sự truyền hình	3
10	Quay và truyền hình trực tiếp	2	Quay truyền hình trực tiếp	2
11	Quay tiêu phẩm	2	Quay phỏng vấn	2
12	Quay phim truyện	2	Quay phim tài liệu và ký sự truyền hình	3

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-PTTHII, ngày 10/6/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II*

Ngành: **Quay phim**

Mã ngành: **6210232**

Số tín chỉ: **81**

HỌC KỲ I			
Anh văn 1	3	Chính trị	5
Tin học	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
Ngôn ngữ truyền hình và điện ảnh	3	Nhiếp ảnh	2
↘		Kỹ thuật quay phim	2
Kỹ năng nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	↙	

22

HỌC KỲ II			
Anh văn 2	3	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5
Giáo dục thể chất	2	Kịch bản truyền hình	2
Nghiệp vụ đạo diễn	2	Kỹ thuật dựng phim	2
Kỹ thuật âm thanh	2	↙	
Quay tin và phóng sự	3	Kỹ thuật ánh sáng	2

23

HỌC KỲ III			
Anh văn 3-CN	2	Pháp luật	2
Pháp luật và đạo đức báo chí	2	↙	
Quay phỏng vấn	2	Nghệ thuật quay phim	2
Nghệ thuật dựng phim	3	↙	
Quay ca nhạc	2	Quay clip quảng cáo	3
Quay truyền hình trực tiếp	2	↙	

20

HỌC KỲ IV			
Quay phim tài liệu và ký sự truyền hình	3	Kỹ xảo truyền hình	3
Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	↙	
↘		Thực tập tốt nghiệp cơ sở	5

16